

Số: 74/BC-THCB

Hải An, ngày 03 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ SỐ 09/2024/TT-BGDĐT NGÀY 03 THÁNG 06 NĂM 2024
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học Cát Bi

2. Địa chỉ: Số 425 đường Cát Bi, phường Hải An, thành phố Hải Phòng

Số điện thoại: 02253.725605

Gmail: th-catbi@haian.edu.vn

Website: <https://thcatbi.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Hải An

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng trường là đơn vị tiên tiến xuất sắc, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Cát Bi được thành lập theo quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 19/8/1991 của UBND quận Ngô Quyền.

Những ngày đầu thành lập, trường gặp rất nhiều khó khăn về môi trường giáo dục, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, kỹ năng nghề nghiệp, đòi

sống chưa ổn định... Song với lòng yêu nghề, mến trẻ, tập thể nhà trường luôn phấn đấu thực hiện tốt công tác giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội.

Từ tháng 5 năm 2003, trường được chuyển giao về quận mới Hải An.

- Từ tháng 8/1991 đến tháng 8/2001: Trường nhiều năm được công nhận là Trường Tiên tiến cấp Quận.

- Từ tháng 8/2001 đến tháng 6/2002: Đây là năm học đầu tiên trường được tặng danh hiệu Trường Tiên tiến cấp Thành phố.

- Từ tháng 7/2002 đến tháng 7/2009: Ban giám hiệu cùng với tập thể cán bộ, giáo viên, công nhân viên đã cùng nhau đoàn kết, phấn đấu để trường Tiểu học Cát Bi liên tục được công nhận là trường Tiên tiến Xuất sắc, trường có thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, trường đẹp, cơ quan văn hóa cấp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Chi bộ và các đoàn thể của nhà trường liên tục được công nhận vững mạnh xuất sắc.

- Từ tháng 8/2009 đến tháng 8/2014: Thời kỳ này chất lượng học sinh giỏi các cấp của nhà trường luôn đứng đầu quận Hải An và đứng ở tốp đầu của Thành phố. Năm học 2009 – 2010 và năm học 2010 – 2011 đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc được Thủ tướng Chính phủ và UBND Thành phố Hải Phòng tặng bằng khen...

Trong hơn 20 năm thành lập và phát triển, tập thể nhà trường đã được UBND quận Ngô Quyền, UBND quận Hải An, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng, UBND thành phố Hải Phòng, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, giấy khen và nhiều danh hiệu cao quý.

Từ năm học 2015 - 2016 đến năm 2023 - 2024, nhà trường liên tục đạt danh hiệu tập thể Lao động Xuất sắc, được UBND Thành phố tặng cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua khối các trường Tiểu học. Năm học 2019 - 2020, 2024-2025 trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học; Cũng trong năm học 2019-2020, trường vinh dự được nhận Bằng khen của Liên đoàn Lao động Thành phố Hải Phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh. Năm học 2020 - 2021: trường được UBND quận Hải

An tặng giấy khen Đã có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn năm 2015-2020 ; LĐLĐ Thành phố Hải Phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh; UBND phường Cát Bi tặng Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong các hoạt động khuyến học phường Cát Bi nhiệm kỳ 2015-2020.

Năm học 2021 - 2022: nhà trường vinh dự được nhận Bằng khen của Liên đoàn Lao động Thành phố Hải Phòng: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm học 2021-2022 và Giấy khen của BCH Đoàn quận Hải An : Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi giai đoạn 2017-2022

Năm học 2023-2024, 2024-2025 được Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng tặng Giấy khen.

Trong những năm qua cùng với sự đổi mới và phát triển của đất nước, đà đi lên của toàn xã hội và ngành giáo dục, Trường Tiểu học Cát Bi luôn thực sự chuyên tâm, chăm lo đến hoạt động giáo dục thế hệ trẻ theo phương châm “Tất cả vì con em chúng ta, vì tương lai đất nước”.

Trải qua 34 năm xây dựng và trưởng thành, với sự nỗ lực vượt bậc của đội ngũ lãnh đạo nhà trường và các thầy cô giáo, các em học sinh qua các thời kỳ, Trường Tiểu học Cát Bi đã từng bước hoàn thiện và khẳng định vị trí lá cờ đầu trong phong trào giáo dục - đào tạo của phường Hải An. Đó là sự kết tinh của phẩm chất đạo đức, là lương tâm trách nhiệm và trí tuệ của tập thể thầy cô giáo, là thành quả của sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền; các cơ quan, ban ngành, đoàn thể đã góp phần vào sự phát triển của giáo dục ở địa phương. Đó cũng là kết quả của sự sáng tạo trong quản lý; sáng tạo trong cách làm, trong những điều kiện khó khăn và là bài học thử thách bản lĩnh chính trị, năng lực chuyên môn đối với đội ngũ CB, GV, NV nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Phương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 425 đường Cát Bi, phường Hải An, thành phố Hải phòng

Số điện thoại: 0904 486 4899 Gmail: nguyenthiphuong@haian.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Cát Bi được thành lập theo quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 19/8/1991 của UBND quận Ngô Quyền.

b. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND phường Hải An Về việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý Hiệu trưởng trường Tiểu học Cát Bi đối với bà Nguyễn Thị Phương.

Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND phường Hải An Về việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Cát Bi đối với bà Nguyễn Thị Hà Giang.

Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND phường Hải An Về việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Cát Bi đối với bà Trần Thị Minh Ngọc.

c. Quy chế tổ chức và hoạt động

*** Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Cát Bi**

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi

có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường Tiểu học Cát Bi là cơ sở giáo dục tiểu học (GDTH) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND phường Hải An.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 57 đảng viên.

+ Tổ chức nhà trường có 80 CBGV, NV.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 24 lớp sao nhi đồng và 18 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 06 tổ chuyên môn.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Phương	Hiệu trưởng	09044864899	nguyenthiphuong@haian.edu.vn
2	Nguyễn Thị Hà Giang	Phó Hiệu trưởng	0982041175	hoagiang75@gmail.com
3	Trần Thị Minh Ngọc	Phó Hiệu trưởng	0916552468	ngocbin289@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Số 425 đường Cát Bi, phường Hải An, thành phố Hải Phòng.

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Quyết định số 131/QĐ-THCB ngày 14/8/2025 Quyết định ban hành quy chế thực hiện công khai của nhà trường năm học 2025-2026.

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Tổng số giáo viên, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: 72. Trong đó:

+ Tốt: 67/72 (93%), Khá: 5/72 (7%), TB: 0.

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường có hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ; các phương tiện làm việc ở các phòng học, thư viện và các phòng chức năng được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học, quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường lên kế hoạch sửa chữa bổ sung, nâng cấp kịp thời nếu xảy ra hư hỏng. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu vực của học sinh và giáo viên.

Trường có tường rào, biển trường, cổng trường. Khuôn viên nhà trường đẹp, có cây xanh, thoáng mát tạo thuận lợi cho học sinh vui chơi.

Thông tin CSVN của trường tiểu học Cát Bi năm học 2025-2026 như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /HS
I	Tổng diện tích đất (m²)	3860,6	2
1	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1459	0,8
2	Diện tích các phòng (m ²)	2360	
II	Số lượng hạng mục		
1	Khối phòng hành chính quản trị		
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1	
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	
1.3	Văn phòng	1	
1.4	Phòng Bảo vệ	1	
1.5	Khu vệ sinh	2	
1.6	Khu để xe CBGV	1	
2	Khối phòng học tập		

2.1	Phòng học	42	1,03
2.2	Phòng Tin học	2	
2.3	Phòng học thông minh	1	
2.4	Phòng Ngoại ngữ	0	
2.5	Phòng đa chức năng	0	
3	Khối phòng hỗ trợ học tập		
3.1	Phòng Thư viện	1	
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	
3.3	Phòng truyền thống	1	
3.4	Phòng Đội	1	
4	Khối phụ trợ		
4.1	Phòng họp	1	
4.2	Phòng Y tế	1	
4.3	Nhà kho	1	
4.4	Khu để xe học sinh	1	
4.5	Khu vệ sinh học sinh	2	
4.6	Cổng, hàng rào	1	
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao		
5.1	Sân chung	1	
5.2	Sân thể dục, thể thao	0	
6	Khối phục vụ sinh hoạt		
6.1	Nhà bếp	1	
6.2.	Nhà ăn	1	
7	Hạ tầng kĩ thuật		
7.1	Hệ Thống cấp nước sạch	x	
7.2	Hệ thống cấp điện	x	
7.3	Hệ thống PCCC	x	
7.4	Hạ tầng công nghệ TT, liên lạc	x	

8	Loại hạng mục		
8.1	Phòng học kiên cố	42	1,03
8.2	Phòng học bán kiên cố	0	
8.3	Phòng học tạm	0	
8.4	Phòng học nhờ		
8.5	Bình quân lớp/phòng học		1,07
8.6	Bình quân học sinh/lớp		43
III	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu(Đơn vị tính: Bộ)		
1	Tổng số TBDH TT hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	
1.2	Khối lớp 2	5	
1.3	Khối lớp 3	4	
1.4	Khối lớp 4	4	
1.5	Khối lớp 5	5	
2	Tổng số TBDH TT còn thiếu so theo quy định		
2.1	Khối lớp 1	3	
2.2	Khối lớp 2	3	
2.3	Khối lớp 3	4	
2.4	Khối lớp 4	5	
2.5	Khối lớp 5	4	
IV	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)	62	
V	Tổng số thiết bị dùng chung		
1	Ti vi	43	
2	Loa	1	
3	Máy chiếu	2	
4	Máy chiếu vật thể		
5	Đầu video/đầu đĩa	1	

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

- Sách giáo khoa lớp 5

Stt	Môn/HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Cánh diều	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2			Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng.	
3	Toán 5	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	Đạo đức 5	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Lịch sử và Địa lí 5	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Khoa học 5	Cánh diều	Bùi Phương Nga (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phạm Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

7	Tin học 5	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Công nghệ 5	Cánh điều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
9	Giáo dục thể chất 5	Cánh điều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Âm nhạc 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Mĩ Thuật 5	Chân trời sáng tạo -Bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Cánh điều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
13	Tiếng Anh 5 (Global Success)		Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 4

Stt	Môn/HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Cánh diều	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Phan Thị Hồ Điệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng, Trần Bích Thủy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2			Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yến.	
3	Toán 4	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	Đạo đức 4	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Lịch sử và Địa lí 4	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Trang Thanh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Khoa học 4	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

7	Tin học 4	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Công nghệ 4	Cánh điều	Nguyễn Tất Thắng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (đồng Chủ biên), Hoàng Xuân Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
9	Giáo dục thể chất 4	Cánh điều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Âm nhạc 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Mĩ Thuật 4	Chân trời sáng tạo -Bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm 4	Cánh điều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
13	Tiếng Anh 4 (Global Success)		Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 3:

Stt	Môn/HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Cánh diều	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2			Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	
3	Toán 3	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	Đạo đức 3	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
5	Tự nhiên và Xã hội 3	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Giáo dục thể chất 3	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

7	Âm nhạc 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 3	Chân trời sáng tạo -Bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Hoạt động trải nghiệm 3	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
10	Công nghệ 3	Cánh diều	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên), Nhữ Thị Việt Hoa, Nguyễn Thị Mai Lan.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
11	Tin học 3	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
12	Tiếng Anh 3 (Global Success)		Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 2

Stt	Môn/HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Cánh diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Hà, Đặng Kim Nga, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Tố Ninh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Bích Thủy, Lê Hữu Tĩnh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Toán 2	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức 2	Cánh diều	Trần Văn Thắng (Tổng chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hường	Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phùng Thanh Huyền	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Giáo dục thể chất 2	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên), Phạm Đông Đức (chủ biên), Phạm Tràng Kha, Nguyễn Duy Linh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

			Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng. Nguyễn Thị Thanh Vân	
7	Mĩ Thuật 2	Chân trời sáng tạo -Bản 1	Nguyễn Xuân Tiên-Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm YẾN Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên). Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
9	Tiếng Anh 2 (Phonics -smart)		Nguyễn Thu Hiền (chủ biên), Quản Lê Duy	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Sách giáo khoa lớp 1

Stt	Môn/HĐGD	Tên bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Cánh diều	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hường, Nguyễn Thị Ly Kha, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Toán 1	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức 1	Cánh diều	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Giáo dục thể chất 1	Cánh diều	Đặng Ngọc Quang (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

6	Âm nhạc 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật 1	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nguyễn Tuấn Cường - Nguyễn Thị Nhung (đồng chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên). Nguyễn Thị Thu Hằng. Phạm Quang Tiệp. Ngô Quang Quế	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
9	Tiếng Anh 1 (Phonics - smart)		Nguyễn Thu Hiền (chủ biên), Quản Lê Duy	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đạt KĐCL GD cấp độ 1 (thời hạn 5 năm) theo Quyết định số 554/QĐ-SGDĐT ngày 25/5/2021.

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

* Kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp Một năm học 2025-2026 (Kế hoạch số 27/KH-THCB ngày 14/6/2025 của trường TH Cát Bi).

- Đối tượng tuyển sinh:

- Trẻ 6 tuổi sinh năm 2019 trở về trước, huy động cả trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em nước ngoài về nước học tập hiện đang sinh sống trên địa bàn phường Cát Bi và địa bàn khác (nếu còn chỉ tiêu).

- Chỉ tiêu tuyển sinh:

+ Số lớp: 08 lớp

+ Số HS: 315 học sinh

- Thời gian tuyển sinh:

+ Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 26/7/2025.

+ Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: từ ngày 02/7/2025 đến hết ngày 04/7/2025.

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2025-2026 nhà trường tuyển sinh 08 lớp với tổng số học sinh là:

Khối lớp	Số học sinh	HS nữ	Số lớp	HS 2 buổi/ngày	HS Dân tộc	HS khuyết tật
1	349	150	8	349	1	
2	348	162	8	348		3
3	361	188	8	361	4	2
4	324	152	9	324	3	3
5	421	203	9	421		4
Tổng	1803	855	42	1803	8	12

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối/ lớp	Số Học sinh đầu năm	Số Học sinh chuyển đến	Số Học sinh chuyển đi
1	349		
2	344	11	7
3	354	18	11
4	321	10	7
5	416	12	7
Toàn trường	1784	51	32

* Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Kết quả giáo dục học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 cuối năm học 2024-2025:

Môn học	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tiếng Việt	1747	94,8	91	4,9	4	0,3
Toán	1714	93	124	6,7	4	0,3
Tự nhiên-Xã hội (K1,2,3)	983	95,7	43	4,2	1	0,1
Công nghệ (K3,4,5)	1091	95,9	47	4,1		
Giáo dục thể chất	1774	96,3	67	3,6	1	0,1
Nghệ thuật (Âm nhạc)	1700	92,2	141	7,7	1	0,1

Nghệ thuật (Mỹ thuật)	1625	88,2	215	11,7	2	0,1
Hoạt động trải nghiệm	1785	97	56	2,9	1	0,1
Tin học (K3,4,5)	1063	93	75	7		
Đạo đức	1788	97,1	53	2,8	1	0,1
Tiếng Anh	1556	84,5	284	15,4	2	0,1
Khoa học (K4,5)	778	95,5	37	4,5		
Lịch sử & Địa lý (K4,5)	768	94,2	47	5,8		

- Kết quả đánh giá năng lực chung của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 cuối năm học 2024-2025.

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tự chủ và tự học	1779	96,6	61	3,3	2	0,1
Giao tiếp và hợp tác	1792	97,3	48	2,6	2	0,1
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1727	93,8	113	6,1	2	0,1

- Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 cuối năm học 2024-2025.

Năng lực	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ngôn ngữ	1760	95,6	78	4,2	4	0,2
Tính toán	1725	93,6	112	6,1	5	0,3
Khoa học	1778	96,5	62	3,4	2	0,1
Thẩm mỹ	1729	93,9	111	6	2	0,1
Thể chất	1791	97,2	50	2,7	1	0,1
Công nghệ (K3,4,5)	1094	96,1	44	3,9		
Tin học (K3,4,5)	1085	95,3	53	4,7		

- Kết quả đánh giá phẩm chất chủ yếu học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 cuối năm học 2024-2025.

Phẩm chất	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Yêu nước	1834	99,6	8	0,4	0	0%
Nhân ái	1832	99,5	10	0,5	0	0%
Chăm chỉ	1765	95,8	77	4,2	0	0%
Trung thực	1820	98,8	22	1,2	0	0%
Trách nhiệm	1798	97,6	44	2,4	0	0%

* Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

- Năm học 2024-2025 nhà trường có 06 học sinh rèn luyện lại trong hè.

Toàn trường có 05 học sinh chưa HTCTLH.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình lớp học năm học 2024-2025: 1439/1444 (99,7%).

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2024-2025: 397/398 (đạt 99,7%).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

* Công khai chi tiết tài chính

1. Quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2024

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
I	Nguồn ngân sách trong nước	17,352,621,903	17,352,621,903	
1	Chi quản lý hành chính	-	-	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17,352,621,903	17,352,621,903	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15,739,642,381	15,739,642,381	-
	Chi thanh toán cá nhân	14,346,431,913	14,346,431,913	-
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	873,932,985	873,932,985	-
	Chi mua sắm sửa chữa	495,181,483	495,181,483	-
	Chi khác	24,096,000	24,096,000	-

2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,612,979,522	1,612,979,522	-
	Chi thanh toán cá nhân	98,710,522	98,710,522	-
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	-	-	-
	Chi mua sắm sửa chữa	1,514,269,000	1,514,269,000	-
	Chi khác	-	-	-
II	Nguồn viện trợ	-	-	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-	-

2 Quyết toán chi nguồn khác năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
1	Dịch vụ:			
1.1	Chăm sóc bán trú			
1.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	300,712	300,712	-
1.1.2	Mức thu	150.000đ/tháng	150.000đ/tháng	-
1.1.3	Tổng số thu trong năm	1,675,897,800	1,675,897,800	-
1.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1,676,198,512	1,676,198,512	-
1.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	1,676,198,512	1,676,198,512	-
1.1.6	Số chi trong năm	1,675,897,800	1,675,897,800	-
	Trong đó:		-	-
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (nộp thuế)	33,517,956	33,517,956	-
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	183,377,024	183,377,024	-
	- Chi cho người chăm sóc bán trú	1,459,002,820	1,459,002,820	-
1.1.7	Số dư cuối năm	300,712	300,712	-
1.2.	Quản lý học sinh ngoài giờ			
1.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	300	300	-
1.2.2	Mức thu	240.000đ/tháng	240.000đ/tháng	-

1.2.3	Tổng số thu trong năm	2,840,990,000	2,840,990,000	-
1.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2,840,990,300	2,840,990,300	-
1.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	2,840,990,300	2,840,990,300	-
1.2.6	Số chi trong năm	2,840,990,000	2,840,990,000	-
	Trong đó: - Chi cho người trực tiếp trồng, quản lý học sinh	2,784,170,200	2,784,170,200	-
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (nộp thuế)	56,819,800	56,819,800	-
1.2.7	Số dư cuối năm	300	300	-
1.3	Trông xe		-	
1.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	-	-	-
1.3.2	Mức thu	30.000đ/tháng	30.000đ/tháng	-
1.3.3	Tổng số thu trong năm	56,805,000	56,805,000	-
1.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	56,805,000	56,805,000	-
1.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	56,805,000	56,805,000	-
1.3.6	Số chi trong năm	56,779,500	56,779,500	-
	Trong đó: - Chi cho người trực tiếp trông xe	51,124,500	51,124,500	-
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (nộp thuế)	5,655,000	5,655,000	-
1.3.7	Số dư cuối năm	25,500	25,500	-
2	Liên kết giáo dục:			
2.2	Kỹ năng sống			
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	3,450,641	3,450,641	-
2.2.2	Mức thu	50.000đ/tháng	50.000đ/tháng	-
2.2.3	Tổng số thu trong năm	695,150,000	695,150,000	-
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	698,600,641	698,600,641	-
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	698,600,641	698,600,641	-
2.2.6	Số chi trong năm	693,721,881	693,721,881	-

	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	556,120,000	556,120,000	-
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	27,952,900	27,952,900	-
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	69,515,000	69,515,000	-
	- Chi phúc lợi	37,353,381	37,353,381	-
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (nộp thuế)	2,780,600	2,780,600	
2.2.7	Số dư cuối năm	4,878,760	4,878,760	-
2.3	Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài			
2.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	454,023	454,023	-
2.3.2	Mức thu	150.000đ/tháng	150.000đ/tháng	-
2.3.3	Tổng số thu trong năm	2,064,060,000	2,064,060,000	-
2.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2,064,514,023	2,064,514,023	-
2.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	2,064,514,023	2,064,514,023	-
2.3.6	Số chi trong năm	2,064,059,910	2,064,059,910	-
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	1,651,248,000	1,651,248,000	-
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	103,418,451	103,418,451	-
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	227,046,600	227,046,600	-
	- Chi phúc lợi	74,090,619	74,090,619	-
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (nộp thuế)	8,256,240	8,256,240	
2.3.7	Số dư cuối năm	454,113	454,113	-
2.4	Tin học			
2.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	2,122,316	2,122,316	-
2.4.2	Mức thu	48.000đ/tháng	48.000đ/tháng	-
2.4.3	Tổng số thu trong năm	-	-	-
2.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2,122,316	2,122,316	-
2.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	2,122,316	2,122,316	-
2.4.6	Số chi trong năm	2,122,316	2,122,316	-

	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	-	-	-
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	2,122,316	2,122,316	-
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	-	-	-
	- Chi phúc lợi	-	-	-
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước (nộp thuế)	-	-	-
2.4.7	Số dư cuối năm	-	-	-
3	Thu hộ, chi hộ:			
3.1	Trang thiết bị bán trú			
3.1.1	Số học sinh	1,318	1,318	-
3.1.2	Số dư năm trước chuyển sang	2,499,791	2,499,791	-
3.1.3	Mức thu	150.000đ/năm;200.000đ/năm;360.000đ/năm	150.000đ/năm;200.000đ/năm;360.000đ/năm	-
3.1.4	Tổng thu	314,860,000	314,860,000	-
3.1.5	Đã chi	306,279,720	306,279,720	-
3.1.6	Dư	11,080,071	11,080,071	-
3.2	Học 2 buổi/ngày			
3.2.1	Số học sinh	1,441	1,441	-
3.2.2	Số dư năm trước chuyển sang	374,193	374,193	-
3.2.3	Mức thu	30.000đ/tháng	30.000đ/tháng	-
3.2.4	Tổng thu	387,250,000	387,250,000	-
3.2.5	Đã chi	380,422,866	380,422,866	-
3.2.6	Dư	7,201,327	7,201,327	-
3.3	Tiền ăn			
3.3.1	Số học sinh	1,260	1,260	-
3.3.2	Số dư năm trước chuyển sang	-	-	-
3.3.3	Mức thu	30.000đ/ngày	30.000đ/ngày	-
3.3.4	Tổng thu	6,204,930,000	6,204,930,000	-

3.3.5	Đã chi	6,204,930,000	6,204,930,000	-
3.3.6	Dư	-	-	-
3.4	Nước uống			
3.4.1	Số học sinh	1,841	1,841	-
3.4.2	Số dư năm trước chuyển sang	-	-	-
3.4.3	Mức thu	10.000đ/tháng	10.000đ/tháng	-
3.4.4	Tổng thu	165,520,000	165,520,000	-
3.4.5	Đã chi	165,520,000	165,520,000	-
3.4.6	Dư	-	-	-
3.5	BHYT			
3.5.1	Số học sinh	1,623	1,623	-
3.5.2	Số dư năm trước chuyển sang	-	-	-
3.5.3	Mức thu	73.710đ/tháng	73.710đ/tháng	-
3.5.4	Tổng thu	1,492,185,240	1,492,185,240	-
3.5.5	Đã chi	1,492,185,240	1,492,185,240	-
3.5.6	Dư	-	-	-
3.6	Chăm sóc sức khỏe ban đầu			
3.6.1	Số dư năm trước chuyển sang	68,045,341	68,045,341	
3.6.2	Tổng thu	110,919,405	110,919,405	
3.6.3	Đã chi	82,073,340	82,073,340	
3.6.4	Dư	96,891,406	96,891,406	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-	-

II Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học năm học 2024-2025

Stt	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ	13	16,950,000	
1	Học kì 1	12	7,200,000	

2	Học kì 2	13	9,750,000	
---	----------	----	-----------	--

III Công khai dự toán thu chi năm 2025

TT	Nội dung		Dự toán thu	Dự toán chi
I	Dự toán thu-chi ngân sách năm 2025			
1	Kinh phí chi thường xuyên		19,781,862,862	19,781,862,862
1.1	Chi lương và các khoản theo lương		14,805,000,000	14,805,000,000
1.2	Chi thu nhập tăng thêm theo NQ 05/2022/NQ-HĐND, NQ 01/2023/NQ-HĐND		2,051,862,862	2,051,862,862
1.3	Chi nghiệp vụ		1,999,000,000	1,999,000,000
	Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, vs, phòng dịch,,)			203,000,000
	Chi VPP, vật tư văn phòng, mua dụng cụ VP			130,000,000
	Chi dịch vụ điện thoại, mạng, sách báo, tạp chí.			25,000,000
	Chi khoán công tác phí			21,000,000
	Chi lao công, bảo vệ			332,775,000
	Thuê mướn (chăm sóc cây cảnh, công sửa chữa...)			40,000,000
	Sửa chữa, Mua sắm trang thiết bị dùng cho chuyên môn, nghiệp vụ chuyên môn, duy tu bảo dưỡng các công trình			949,200,000
	Chi chuyên môn, nghiệp vụ, mua sắm pv chuyên môn			154,525,000
	Chi khác			78,500,000
	Chi tiền thưởng			65,000,000
1.3	Quỹ thưởng theo NĐ73		833,000,000	833,000,000
1.4	KP thực hiện các chương trình chính sách		93,000,000	93,000,000
	NĐ 28 PC cho GV dạy trẻ khuyết tật		93,000,000	93,000,000
2	Kinh phí chi không thường xuyên		2,979,548,000	2,970,548,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2tầng, 3 tầng và các hạng mục phụ trợ		2,178,811,000	2,169,811,000
	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ		800,000,000	800,000,000
	Khắc phục thiệt hại do cơn bão số 3		737,000	737,000
II	Dự toán thu chi các nguồn khác			
	Tên nguồn thu	Mức thu	Dự toán thu	Dự toán chi
1	Tổ chức bán trú			

1.1	Tiền ăn (đã bao gồm cả chất đốt)	30.000/HS/ngày (tiền ăn 2 bữa và chất đốt)	8,478,000,000	8,478,000,000
1.2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)	K1:360.000đ/năm; K2;3;4,5:200.000đ/năm;	365,200,000	365,200,000
2	Chăm sóc bán trú			-
2.1	<i>Hỗ trợ người nấu ăn; người chăm ăn, trông trưa; công tác quản lý)</i>	<i>150.000đ/tháng</i>	<i>2,077,110,000</i>	<i>2,077,110,000</i>
2.2	<i>Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính (đầu giờ và sau khi kết thúc buổi học khi cha mẹ học sinh có nhu cầu tối đa không quá 3giờ/ngày)</i>	<i>10.000đ/HS/giờ</i>	<i>2,937,600,000</i>	<i>2,937,600,000</i>
3	Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (<i>hỗ trợ cơ sở vật chất, điện, nước</i>)	30.000đ/tháng	477,338,000	477,338,000
4	Câu lạc bộ và trung tâm liên kết			-
4.1	<i>Kỹ năng sống</i>	<i>50.000 đ/HS/tháng (Khối 1,2,3)</i>	<i>404,685,000</i>	<i>404,685,000</i>
4.2	<i>Stem</i>	<i>80,000đ/HS/tháng (Khối 4,5)</i>	<i>456,552,000</i>	<i>456,552,000</i>
4.3	<i>Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài</i>	<i>150.000 đ/HS/tháng</i>	<i>928,395,000</i>	<i>928,395,000</i>
5	Nước uống cho học sinh	10.000 đ/tháng	154,242,000	154,242,000
6	Trông xe	30.000đ/tháng	27,000,000	27,000,000
7	BHYT	52,650đ/tháng	1,097,331,000	1,097,331,000
	Tổng cộng		17,403,453,000	16,946,901,000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

* Đối với CBGV, NV:

- 100% CBGV, NV đều xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo các nhiệm vụ được phân công từ đó việc thực hiện lễ lối, quy chế, trách nhiệm cá nhân trong việc thực nhiệm vụ được giao hiệu quả hơn.

* Đối với HS: 100% HS đều tích cực học và làm theo 5 điều Bác Hồ dạy.

2. Xây dựng Trường học thân thiện - học sinh tích cực.

- 100% CBGV-NV thực hiện mô hình "Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh ngành giáo dục quận Hải An thực hiện tốt thông tin truyền thông, giáo dục, phòng chống ma túy – HIV – AIDS - tội phạm và tệ nạn xã hội" của ngành GD&ĐT.
- 100% CBGV, NV, HS nghiêm túc thực hiện nền nếp, giữ gìn cảnh quan, vệ sinh, trang trí trong lớp học theo hướng thân thiện, sạch đẹp, văn minh.

3. Dạy học đối với môn Tiếng Anh

Triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 với thời lượng 70 tiết/lớp/năm học căn cứ trên nhu cầu tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và điều kiện đảm bảo về giáo viên, cơ sở vật chất.

- Tiếp tục triển khai Chương trình thí điểm Tiếng Anh Tiểu học ban hành theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010, chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Tổ chức dạy tiếng Anh 4 tiết/tuần cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu, ngoại khóa, câu lạc bộ,...tạo các sân chơi, giao lưu tiếng Anh; phát động phong trào giáo viên các môn học khác cùng tham gia học tiếng Anh với học sinh...

- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kỳ cần đánh giá đủ các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

- Phối hợp với các Trung tâm ngoại ngữ được thành phố thẩm định, cấp phép hoạt động triển khai dạy học ngoại ngữ có yếu tố người nước ngoài; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình liên kết.

- Thực hiện những chương trình dạy học Tiếng Anh:

- + Khối 1, 2 chương trình Phonics Smart

- + Khối 3, 4, 5 chương trình Tiếng Anh 3, 4, 5- Global Success NXB Giáo dục

Việt Nam

4. Dạy học Tin học

- Tổ chức dạy học môn Tin học lớp 3, 4, 5 theo tinh thần chỉ đạo tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT và chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 số với thời lượng 35 tiết/lớp/năm học, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và trên cơ sở nhu cầu và tự nguyện đăng ký của phụ huynh học sinh. 100% học sinh khối 3, 4, 5 được học Tin học (1107 học sinh/26 lớp đạt 61,4%).

- Rà soát năng lực công nghệ thông tin đảm bảo đầy đủ điều kiện về đường truyền, thiết bị dạy học trực tuyến. Có kế hoạch hỗ trợ học sinh học trực tuyến khi phải thực hiện các biện pháp giãn cách phòng chống dịch bệnh.

5. Việc tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ chính khóa, các hoạt động phát triển năng lực cho học sinh.

- 100% CBGV-NV thực hiện tốt quy tắc ứng xử, xây dựng trường học hạnh phúc; lớp học hạnh phúc.

- Triển khai tốt mô hình “Cổng trường an toàn - Văn minh”; an toàn an ninh, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn. Thực hiện tốt công tác phòng chống tai nạn thương tích trong trường học, không có tình trạng bạo lực học đường, không có CBGV-NV vi phạm đạo đức nhà giáo.

- Thực hiện hiệu quả việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng 1 lần, phân loại rác thải nhựa trong nhà trường. Các lớp đều có những sản phẩm sáng tạo, độc đáo như: Đồ chơi, trang phục, đồ dùng học tập,...

- Xây dựng và triển khai nghiêm túc kế hoạch công tác y tế trường học; công tác phòng chống dịch bệnh.

- Học sinh đều được trang bị kiến thức về công tác phòng, chống dịch bệnh.

6. Công tác nhân đạo từ thiện

- Tổ chức buổi sinh hoạt ngoại khoá: phối hợp với Công an quận Hải An tổ chức chương trình tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho các cán bộ, giáo viên, nhân viên và các em học sinh nhà trường.

- Các lớp thi đua học tốt chào mừng ngày 20/10, 20/11, 22/12. Một số lớp

tổ chức buổi học tập trải nghiệm sáng tạo tại lớp: làm bánh, thổi bóng bay nghệ thuật, làm thiệp chúc mừng...

- Liên đội đã tổ chức thành công đại hội Chi đội, đại hội Liên đội
- Lấy ý kiến trẻ em, duy trì hòm thư điều em muốn nói.
- Duy trì việc chăm sóc cây cảnh, bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quang trường lớp xanh- sạch- đẹp.

- Tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo; phong trào kế hoạch nhỏ:

+ Các lớp đều có hoạt động tổ chức trung thu cho học sinh đảm bảo an toàn, lành mạnh, phù hợp với điều kiện thực tế. Nhà trường đã tặng 39 suất quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Khai giảng năm học với số tiền: 8.190.000đ, 40 suất quà cho HS nhân dịp Tết trung thu với số tiền: 6.000.000đ, 48 suất quà cho HS nhân dịp Tết nguyên đán với 20.720.000đ.

+ Trao tặng 351 mũ bảo hiểm do công ty Honda Việt Nam tài trợ cho học sinh khối 1.

+ Phát động thu gom pin cũ. Các em có pin cũ không còn sử dụng được các em bỏ vào thùng thu gom pin ở thư viện gần cổng phụ để bảo vệ môi trường và có thể sản xuất tái chế lại đảm bảo an toàn.

+ Các lớp tích cực tham gia phong trào quyên góp ủng hộ giáo viên và học sinh vùng lũ Lào Cai, Yên Bái

+ HS tham gia mua tấm tre nhân đạo ủng hộ người tàn tật Hải Phòng 1.850 gói tấm.

+ GV, HS tham gia quyên góp ủng hộ hội người mù, nạn nhân chất độc da cam: 14.918.000đ

+ Ủng hộ quỹ Vì người nghèo: 13.435.000 đ

+ Ủng hộ bão lụt 2024:

+ **Sở GD, CD ngành:** 10.000.000 đ (1 thùng quần áo, 13 thùng sách, 4 thùng vở, 5 thùng đồ dùng học tập).

+ Quận: 31. 385.000 đ

+ Ủng hộ Tết nhân ái về Hội chữ thập đỏ TP: 1.000.000 đ

+ Ủng hộ Lễ hội Hoa phượng đỏ: 1.000.000 đồng

- + Ủng hộ đồng bào bão lụt vùng Sơn La, Điện Biên: 4.000.000 đồng
- + Ủng hộ quỹ mái ấm Công đoàn: 5.040.000đ
- + Tặng quà Tết cho Làng trẻ Hoa Phượng: 10 triệu, Trường Khiêm Thính: 2 triệu, Ủng hộ trung tâm thắp sáng ước mơ tạo việc làm cho người khuyết tật: 15 triệu. Tổng = 37.000.000

7. Công tác phòng chống dịch bệnh.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác phòng chống dịch bệnh trong tình hình mới, cập nhật thường xuyên các báo cáo về dịch bệnh theo sự chỉ đạo của ngành, các cấp.
- Các hoạt động truyền thông, chăm sóc, giáo dục sức khỏe được lồng ghép trong các tiết giáo dục tập thể, các tiết tự nhiên và xã hội...

Nơi nhận:

- Công khai Website của trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương